TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC QUANG** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS - ST
Ngày 30 - 3 - 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đàm Thị Tư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tuấn.

2. Bà Hoàng Thị Huyền.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Chữ - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/TLST-DS, ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST- DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; Nơi làm việc: Trường Mầm non Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt

+ Anh Đỗ Minh T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền của anh Đỗ Minh T*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; Nơi làm việc: Trường Mầm non Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt

- *Bị đơn:*

+ Chị Nông Thị L, sinh năm 1985; Nơi làm việc: Trường Mầm non Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt

+ Anh Đinh Văn D, sinh năm 1980; Nơi ĐKHKTT: Thôn Kh, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang; Nơi ở hiện nay: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2022 và các bản khai tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Minh T trình bày: Do quen biết với vợ chồng chị Nông Thị L và anh Đinh Văn D, nên vào ngày 31/3/2021 vợ chồng chị đã cho chị Nông Thị L và anh Đinh Văn D vay số tiền là 416.000.000đ *(Bốn trăm mười sáu triệu đồng)*, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, thời hạn vay là 48 tháng, phương thức thanh toán làm 04 lần, cụ thể: kỳ đầu tiên trong tháng 12/2021 trả số tiền là 100.000.000đ; Kỳ thứ 2 trong tháng 12/2022 trả số tiền là 100.000.000đ; Kỳ thứ 3 trong tháng 12/2023 trả số tiền là 100.000.000đ; Kỳ thứ 4 trong tháng 12/2024 trả số tiền là 116.000.000đ. Lãi xuất được hai bên thỏa thuận là 0%/tháng tính từ ngày nhận tiền vay. Đến các kỳ trả nợ của năm 2021 và năm 2022 vợ chồng chị L, anh D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Sau nhiều lần đòi nợ, chị L, anh D không trả, vì vậy để đảm bảo quyền lợi của mình, vợ chồng chị khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang giải quyết buộc chị L, anh D phải trả số tiền nợ gốc chưa trả của năm 2021 và năm 2022 là 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng),* không yêu cầu trả lãi. Đối với số tiền còn nợ là 216.000.000đ *(Hai trăm mười sáu triệu đồng)* do chưa đến thời hạn trả nợ như đã thỏa thuận trong giấy vay tiền ngày 31/3/2021 nên vợ chồng chị chưa khởi kiện.

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải bị đơn chị Nông Thị L và anh Đinh Văn D trình bày: Do quen biết với chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Minh T, nên vào ngày 31/3/2021 anh chị có được vay của chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Minh T số tiền là 416.000.000đ *(Bốn trăm mười sáu triệu đồng),* mục đích vay để làm ăn, khi vay 02 bên có làm giấy vay tiền và thỏa thuận lãi xuất là 0%, thời hạn vay là 48 tháng, cụ thể như sau: Kỳ trả lần 1 trong tháng 12/2021 trả số tiền là 100.000.000đ; kỳ trả lần 2 trong tháng 12/2022 trả số tiền là 100.000.000đ; kỳ trả lần 3 trong tháng 12/2023 trả số tiền là 100.000.000đ; kỳ trả lần 4 trong tháng 12/2024 trả số tiền là 116.000.000đ. Sau khi vay đến kỳ trả nợ như đã thỏa thuận anh chị chưa trả được cho anh chị T, T1 số tiền gốc đã vay, đến ngày 03/7/2022 chị T, anh T1 có lấy gỗ của anh chị, trị giá số gỗ là 35.000.000đ *(Ba mươi lăm triệu đồng)* hai bên có làm giấy tờ và ghi trừ vào khoản nợ đã vay. Nay chị T, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh chị phải trả số tiền gốc còn nợ của năm 2021 và năm 2022 là 200.000.000đ *(Hai trăm triệu đồng)*, quan điểm của anh chị sau khi đã trừ vào số tiền gỗ, anh chị còn phải trả số tiền nợ gốc của năm 2021 và năm 2022 là 165.000.000đ *(Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng).* Do điều kiện kinh tế khó khăn nên mỗi tháng anh chị chỉ trả dần cho chị T, anh T với số tiền từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ, nếu sau này làm ăn được sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền đã vay còn lại. Đối với số tiền nợ gốc còn lại là 216.000.000đ *(Hai trăm mười sáu triệu đồng)* trong giấy vay tiền ngày 31/3/2021 do chưa đến thời hạn trả nợ nên anh chị đề nghị không giải quyết trong vụ kiện này.

Tại buổi hòa giải ngày 20/02/2023 chị Nông Thị L thừa nhận ngày 03/7/2022 vợ chồng chị có lấy gỗ của vợ chồng chị Nông Thị L và anh Đinh Văn D, trị giá tiền gỗ là 35.000.000đ có ghi trừ vào khoản nợ đã vay. Do vậy tại buổi hòa giải chị rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu chị Nông Thị L và anh Đinh Văn D phải trả

số tiền đến kỳ hạn trả nợ của năm 2021 và năm 2022 là 165.000.000đ *(Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng)*.

Mặc dù, các bên đương sự đã thống nhất được số tiền còn nợ, nhưng không thỏa thuận được phương thức trả nợ, nên Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Nông Thị L và anh Đinh Văn D phải trả cho vợ chồng chị toàn bộ số tiền đến kỳ hạn trả nợ của năm 2021 và năm 2022 là 165.000.000đ *(Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng)*. Bị đơn chị Nông Thị L và anh Đinh Văn D cũng thừa nhận số tiền gốc đã vay của chị T, anh T chưa trả của năm 2021 và năm 2022 là 165.000.000đ *(Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng)*, nhưng do hiện tại điều kiện kinh tế khó khăn nên mỗi tháng anh chị chỉ trả dần số tiền từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ, nếu sau này làm ăn được sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền đã vay còn lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng đã quy định; những người tham gia tố tụng dân sự đều chấp hành và tuân theo đúng pháp luật tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Nông Thị L và anh Đinh Văn D phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Minh T số tiền đến kỳ hạn trả nợ của năm 2021 và năm 2022 là 165.000.000đ *(Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng)*.

- Về án phí: Các bị đơn cùng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Về Thẩm quyền, xét đơn khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Minh T được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bên đương sự đã xác định được: Năm 2021 chị Nông Thị L và anh Đinh Văn D có vay tiền của chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Minh T, tổng số tiền đã vay là 416.000.000đ *(Bốn trăm mười sáu triệu đồng)*, thời hạn vay là 48 tháng, phương thức thanh toán làm 04 lần, kỳ đầu tiên trong tháng 12/2021 phải trả là 100.000.000đ; kỳ thứ 2 trong tháng 12/2022 phải trả số tiền là

100.000.000đ; kỳ thứ 3 trong tháng 12/2023 phải trả số tiền là 100.000.000đ; kỳ thứ 4 trong tháng 12/2024 phải trả số tiền là 116.000.000đ. Đến thời hạn trả nợ như đã thỏa thuận chị L anh D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã viết trong giấy vay tiền, sau đó ngày 03/7/2022 chị T, anh T có lấy gỗ của chị L, anh D, trị giá số gỗ là 35.000.000đ *(Ba mươi lăm triệu đồng)* hai bên có làm giấy tờ và ghi trừ vào khoản nợ đã vay. Chính vì vậy tại buổi hòa giải ngày 20/02/2023 chị Nguyễn Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu chị Nông Thị L và anh Đinh Văn D phải trả số tiền đến kỳ hạn trả nợ của năm 2021 và năm 2022 là 165.000.000đ *(Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng)*. Bị đơn chị Nông Thị L và anh Đinh Văn D cũng thừa nhận số tiền gốc đã vay của chị T, anh T chưa trả của năm 2021 và năm 2022 là 165.000.000đ *(Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng)*, nhưng do hiện tại điều kiện kinh tế khó khăn nên bị đơn đề nghị được trả dần số tiền từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ/ tháng, nếu sau này làm ăn được sẽ hoàn trả toàn bộ số tiền đã vay còn lại. Đối với số tiền nợ còn lại là 216.000.000đ *(Hai trăm mười sáu triệu đồng)* trong giấy vay tiền ngày 31/3/2021 do chưa đến thời hạn trả nợ nên các bên đương sự đề nghị không giải quyết trong vụ án này.

[3] Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Minh T về việc buộc chị Nông Thị L và anh Đinh Văn D cùng phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền đến kỳ hạn trả nợ của năm 2021 và năm 2022 là 165.000.000đ *(Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng)* là hoàn toàn có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật, nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Nông Thị L và anh Đinh Văn D cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Trả lại chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 184; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Minh T về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc chị Nông Thị L và anh Đinh Văn D cùng phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Minh T số tiền đến kỳ hạn trả nợ của năm 2021 và năm 2022 là 165.000.000đ *(Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định

khác.

3. Về án phí: Chị Nông Thị L và anh Đinh Văn D cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.250.000 đồng (*Tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Trả lại chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai số 0003239 ngày 03/01/2023.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Thị Tư